

SỰ ĐA DẠNG CỦA TRÍ THÔNG MINH

Howard Gardner*

Người dịch: Vũ Hương Linh

Không nên cho rằng ở con người chỉ tồn tại duy nhất một dạng trí thông minh được đo bằng chỉ số IQ mà thay vì điều đó nên nghĩ đến tám hoặc chín dạng thông minh khác bao gồm cả năng khiếu âm nhạc, năng khiếu liên quan đến không gian hay chuyển động cơ thể. Đó chính là nội dung bài viết trình bày về quá trình tác giả suy ngẫm nghiên cứu tìm ra một số dạng trí thông minh và ý nghĩa của chúng đối với cuộc sống nhất là trong giáo dục đào tạo.

Với tư cách là một nhà tâm lý học, tôi cảm thấy rất ngạc nhiên trước sự đánh giá cao của công luận đối với cuốn *The Bell Curve*, do nhà tâm lý học Richard J. Herrnstein thuộc trường Đại học Harvard và nhà phân tích chính sách Charles Murray xuất bản vào năm 1994. Hầu như mọi ý tưởng trong cuốn sách đều đã rất quen thuộc với các nhà xã hội học cũng như đông đảo công chúng. Thực chất, cả nhà tâm lý học giáo dục Arthur R. Jensen, Đại học California ở Berkeley cũng như Herrnstein đều viết về những ý tưởng đã quá phổ biến trong những năm cuối thập kỷ 60 đầu thập kỷ 70 (thế kỷ trước). Có lẽ, theo quan điểm của tôi, cứ mỗi một phần tư thế kỷ trôi qua lại có một thế hệ mới người Mỹ trở nên rất quen thuộc với quan điểm tâm lý học chính thống về trí thông minh. Đó là một loại trí thông minh chung, duy nhất thường được gọi là g và trí thông minh này thường được phản ánh bởi chỉ số thông minh IQ của mỗi cá nhân.

Khái niệm này đi ngược lại với quan điểm của tôi, vì trong hàng thập kỷ qua tôi

đã nhận thấy rằng trí thông minh của con người bao gồm rất nhiều khả năng rộng lớn và phổ biến hơn. Cho đến thời điểm hiện tại, tôi đã xác định được tám loại trí thông minh khác nhau và vẫn còn có thể có nhiều hơn con số này. Chúng có thể là những loại vẫn thường được coi là thuộc về trí thông minh như khả năng ngôn ngữ hay logic toán học, nhưng cũng có thể là những loại không được coi là trí thông minh như năng khiếu âm nhạc và không gian. Những loại trí thông minh này mặc dù không thể thể hiện qua những bài kiểm tra trên giấy nhưng lại có thể được sử dụng như là một nền tảng cơ bản cho các phương pháp giáo dục mang lại hiệu quả hơn.

Xác định khả năng của bộ não

Quan điểm chính thống về loại trí thông minh duy nhất đang tồn tại hiện nay bắt nguồn từ quan điểm và lý lẽ của một số nhà nghiên cứu trong thập kỷ thứ hai của thế kỷ trước. Quan niệm này cho rằng mỗi cá thể khi sinh ra đều có một mức thông minh hoặc một tiềm năng nhất định nên không thể thay đổi trí thông minh này được, và rằng các nhà tâm lý học có thể xác định chỉ số thông

* GS. Đại học Harvard.

minh của từng cá thể bằng các bài kiểm tra ngắn, hoặc bằng những biện pháp thuần túy hơn, như qua khoảng thời gian cần thiết để một người có thể phản ứng lại với một chuỗi ánh sáng loé lên hoặc qua sự hiện diện của một mô hình đặc biệt nào đó trong sóng não.

Sau khi ý tưởng này được đưa ra đã xuất hiện rất nhiều sự chỉ trích. Với những người không thuộc giới nghiên cứu tâm lý học như các nhà bình luận báo chí mà đại diện là nhà bình luận người Mỹ Walter Lippmann thì người ta đặt dấu hỏi với những tiêu chí dùng để xác định trí thông minh mà theo ông là không thể đơn giản và ổn định như những gì các nhà trắc nghiệm tâm lý đã đưa ra.

Trong giới tâm lý học, các nhà khoa học cảm thấy thắc mắc về quan niệm cho rằng chỉ có một loại trí thông minh bao trùm duy nhất. Theo những phân tích của họ thì trí thông minh phải bao gồm nhiều yếu tố khác nhau. Vào những năm 1930, Luis L. Thurstone ở Đại học Chicago đã đề cập đến sự tồn tại của bảy vector hoàn toàn độc lập của trí não. Trong những năm 1960, Joy P. Guilford, Đại học Nam California đã đưa ra được 120 nhân tố, sau này bổ sung thêm thành 150. Trong khoảng những năm 1940, nhà điều tra người Scotland Godfrey Thomson, Đại học Edinburgh đã đưa ra quan điểm về một số lượng lớn các khả năng độc lập. Và hiện nay, Robert J. Sternberg, Đại học Yale cũng đã đưa ra một lý thuyết mới về trí tuệ. Theo đó, trí tuệ bao gồm một nhân tố liên quan đến kỹ năng tính toán tiêu chuẩn, một liên quan đến quan hệ trật tự mạch lạc của văn cảnh và một nữa liên quan đến tính sáng tạo ra cái mới lạ.

Có một điều khá ngạc nhiên là cho dù đưa những nhận xét trên đây để ủng hộ hay phản đối khái niệm một loại trí thông minh duy nhất thì người ta đều thống nhất với nhau ở một điểm. Tất cả đều cho rằng bản chất tự nhiên của trí thông minh là có thể xác định được bằng cách kiểm tra và phân tích các dữ liệu đã được bảo mật. Có lẽ, đối với những người bảo vệ quan điểm truyền thống như Herrnstein và Murray, việc sử dụng một loạt các test kiểm tra thể hiện một yếu tố chung của trí thông minh. Và thực chất, có nhiều bằng chứng chứng minh rằng có những bài kiểm tra mang tính đa dạng và có mối tương quan cao đến như vậy. Có lẽ đối với Thurstone và Sternberg thì hàng loạt các bài kiểm tra đúng đắn sẽ góp phần chứng minh được rằng trí não bao gồm nhiều nhân tố độc lập với nhau, và sự phát triển tốt ở một lĩnh vực này không thể quyết định sự phát triển tốt hay kém phát triển ở những lĩnh vực khác.

Nhưng cái gì đòi hỏi trí thông minh cần phải được xác định dựa trên cơ sở các bài kiểm tra? Chẳng lẽ chúng ta không thể xác định được điều này nếu như Sir Francis Galton và Alfred Binet không đưa ra được bộ tiêu chí đo đạc về tâm lý một thế kỷ trước? Giả sử như những bài kiểm tra chỉ số thông minh IQ mà chúng ta hiện đang vẫn sử dụng đột nhiên biến mất thì chẳng lẽ chúng ta hoàn toàn sẽ không xác định được thế nào là thông minh?

Sự thay đổi từ quan điểm chính thống

Gần 20 năm trước đây, khi đưa ra những câu hỏi này tôi đã bắt đầu bắt tay vào nghiên cứu trí thông minh theo một phương thức hoàn toàn khác. Tôi đã tiến

hành nghiên cứu trên hai nhóm: các trẻ em có năng khiếu về một lĩnh vực nghệ thuật nào đó và những người lớn bị các cơn đột quy tạo nên một khả năng đặc biệt nào đó trong khi vẫn có những khả năng khác. Khi quan sát các cá thể này, tôi thấy một thực tế là, khoẻ mạnh hay tàn tật không thể đi liền với những khả năng đặc biệt và khiếm khuyết ở con người.

Dựa trên cơ sở những dữ liệu đó tôi đã đi đến một kết luận chắc chắn rằng những người có nhiều khả năng có quan hệ tương quan với nhau sẽ tốt hơn là có một lượng thông minh nhất định phát triển theo một hướng nào đó. Tôi đã quyết định tìm kiếm một công thức về trí tuệ có ích hơn cho con người. Tôi coi trí thông minh là "một khả năng về mặt tâm sinh lý học có thể giải quyết các vấn đề hoặc tạo nên các sản phẩm được coi là có giá trị theo quan điểm của ít nhất là một nền văn hoá nào đó". Về vấn đề tạo ra các sản phẩm và giá trị văn hoá, tôi không tiếp cận vấn đề như quán điểm tâm sinh lý học chính thống, như những quan điểm của Herrnstein, Murray và những người đi trước. Để đi từ cảm nhận trực giác đến một định nghĩa về trí thông minh, tôi đã đưa ra một số các tiêu chí mà sự thông minh nào cũng cần phải có. Những tiêu chí này hình thành từ một số nguồn như sau:

- Tâm lý học: sự tồn tại của một quá trình lịch sử phát triển đặc biệt của một năng lực mà cả cá thể bình thường lẫn có tài năng đều phải trải qua cho đến khi trưởng thành; sự tồn tại các mối liên hệ (hoặc không liên hệ) giữa các năng lực đó.

- Các nghiên cứu trường hợp (case study) về khả năng học tập: trường hợp những người không bình thường, bao

gồm cả các thần đồng, các nhà bác học.. hay những người gặp khó khăn trong việc học tập.

- Nhân loại học: những ghi chép ghi nhận về những trường hợp các tài năng khác nhau được phát triển, bị lãng quên hoặc được đánh giá cao trong các nền văn hoá khác nhau.

- Nghiên cứu văn hoá: sự tồn tại của các hệ thống biểu trưng đã được mã hóa về ý nghĩa nhất định như ngôn ngữ, số học và bản đồ...

- Khoa học sinh vật học: bằng chứng cho thấy mỗi năng khiếu có một quá trình lịch sử tiến hoá riêng biệt và nó thể hiện bởi những cấu trúc thần kinh khác biệt. Ví dụ, rất nhiều phần của bán cầu não trái liên quan đến việc điều hành vận động của cơ thể, năng lực tính toán và khả năng ngôn ngữ; còn bán cầu não phải lại liên quan đến khả năng về không gian và âm nhạc, bao gồm cả khả năng phân biệt nhịp điệu.

Các tiêu chuẩn của trí thông minh

1. *Khả năng cô lập với tổn thương về não:* Ví dụ khả năng ngôn ngữ có thể được hình thành sau các cơn đột quy.

2. *Sự tồn tại của các thần đồng, nhà bác học hay các cá thể đặc biệt:* Những cá thể cho thấy trí thông minh được quan sát khá độc lập.

3. *Có cơ chế hoạt động rõ ràng:* Năng khiếu về âm nhạc thể hiện khả năng cảm thụ giai điệu, hoà âm, nhịp điệu, âm sắc và cấu trúc âm nhạc.

4. *Có một quá trình lịch sử phát triển đặc biệt ở cá nhân kèm theo sự thể hiện chuyên nghiệp mang bản chất tự nhiên:* Quá trình này kiểm chứng những kỹ năng, ví dụ như của một vận động viên, người bán hàng hay nhà tự nhiên học, cũng như quá trình để đạt đến được sự

thành thạo đó.

5. *Có một quá trình lịch sử tiến hoá và mang tính hợp lý.* Quá trình này kiểm chứng các dạng năng khiếu về không gian của động vật có vú hay âm nhạc ở các loài chim.

6. *Sự ủng hộ từ kết quả các thí nghiệm về tâm lý học.* Các nhà nghiên cứu có nhiệm vụ xác định những kỹ năng nào có liên quan đến nhau và những kỹ năng nào là riêng biệt.

7. *Sự ủng hộ từ các phát hiện về mặt trắc nghiệm tâm lý.* Các cuộc kiểm tra sẽ phát hiện được những kỹ năng nào thể hiện cùng một nhân tố bên trong và cái nào không.

8. *Sự nhạy cảm với các hệ thống biểu trưng đã được mã hoá.* Các ký hiệu như ngôn ngữ, số học, bản đồ và biểu thức logic thể hiện các yếu tố quan trọng tạo nên trí thông minh lý tưởng.

Tám loại trí thông minh*

Để đưa ra được những tiêu chuẩn này, tôi đã xem xét nhiều năng lực khác nhau từ những năng lực liên quan đến trí giác cho tới những năng lực liên quan đến khả năng lập kế hoạch, khả năng hài hước hay tình dục. Khi khả năng của một người đáp ứng được tất cả hay hầu hết các tiêu chí trên thì đó có thể coi đó là trí thông minh. Năm 1983, tôi đã đi đến kết quả là có bảy khả năng có thể đáp ứng được tốt các tiêu chuẩn: ngôn ngữ, toán logic, âm nhạc, không gian, chuyển động cơ thể (như các vận động viên, vũ sư hay các thể loại biểu diễn hình thể khác), quan hệ giữa các cá nhân (khả năng hiểu tâm tư tình cảm, động cơ và các trạng thái tinh thần của người khác), nội tâm (khả năng cảm nhận cảm

giác và hành động dựa trên cảm giác đó). Hai dạng cuối thường được gộp chung lại và coi như là nền tảng cho trí thông minh cảm xúc (mặc dù theo cách phân loại của tôi thì chúng có liên quan đến nhận thức và hiểu biết hơn là cảm giác). Hầu hết các phương pháp đều tập trung vào việc xác định trí thông minh về ngôn ngữ và logic, số còn lại là về khả năng không gian. Bốn dạng thông minh còn lại thì chưa được mấy quan tâm. Năm 1995, dựa vào những dữ liệu mới phù hợp với các tiêu chí, tôi đã đưa ra thêm được dạng thông minh thứ tám - khả năng thiên nhiên học cho phép nhận biết và phân loại các vật thể tự nhiên. Có thể lấy ví dụ như Charles Darwin, John James Audubon và Rachel Carson. Hiện tại tôi cũng đang cân nhắc dạng thứ chín - trí tuệ tồn tại giúp nắm bắt các khuynh hướng của con người mà nhờ đó có suy nghĩ về những câu hỏi cơ bản như sự tồn tại, cuộc sống và cái chết. Các nhà triết học và tôn giáo như Đà lai Lạt ma và Soren A. Kierkegaard là ví dụ cho loại trí tuệ này. Liệu dạng trí tuệ này có tồn tại hay không là phụ thuộc vào tính thuyết phục của những bằng chứng về nền tảng thần kinh học của dạng trí tuệ này.

Lý thuyết về sự đa dạng của trí tuệ đã tạo nên hai luồng quan điểm khác nhau. Một cho rằng tất cả loài người đều có những dạng trí tuệ đó. Thực chất, có thể coi con người là một dạng vượn người thông minh, Homo sapiens. Quan điểm thứ hai cho rằng vì chúng ta không giống nhau và có những cá tính riêng biệt nên chúng ta cũng có những đặc điểm khác nhau về trí tuệ. Hai cá thể, cho dù là anh chị em sinh đôi cũng không thể có những đặc điểm hoàn toàn

* Tham khảo Tạp chí NCCN số 3 - 2005, tr. 76.

như nhau, về cả mặt mạnh và mặt yếu. Cho dù có những đặc điểm gien di truyền giống nhau thì các cá thể vẫn chịu những yếu tố môi trường sống khác nhau dẫn đến việc hình thành các đặc điểm khác với người khác.

Về mặt tâm lý học, lý thuyết về sự đa dạng của trí tuệ đã tạo ra sự tranh cãi. Rất nhiều nhà nghiên cứu cảm thấy lo ngại khi phải loại bỏ những cách kiểm tra đã trở thành tiêu chuẩn và phải chấp nhận những tiêu chí mới hoàn toàn xa lạ và không mang tính định lượng. Rất nhiều người cũng cảm thấy do dự khi sử dụng từ "trí thông minh" để gọi một số khả năng, ví dụ như coi năng khiếu âm nhạc hay khả năng chuyển động cơ thể của các vận động viên là tài năng. Những quan điểm hạn hẹp về định nghĩa đó đã làm giảm giá trị các khả năng đến mức mà người ta thường cho rằng những người chỉ huy dàn nhạc hay các vũ công là những người có tài năng chứ không phải là thông minh. Theo quan điểm của tôi, gọi những khả năng đó là tài năng là chuyện bình thường nếu như khả năng về logic và ngôn ngữ cũng được coi là tài năng.

Một số người cũng đặt câu hỏi liệu sự đa dạng về trí tuệ này đã được thực tế kiểm nghiệm hay chưa. Tuy nhiên, lập luận này đã bỏ qua vấn đề chính. Lý thuyết về sự đa dạng của trí tuệ hoàn toàn dựa trên các bằng chứng thực tế. Số lượng, sự mô tả và các nhân tố cấu thành nên các dạng trí tuệ đều xuất phát từ các khám phá mới. Thực chất, khả năng nhận thức thiên nhiên chỉ xuất hiện sau khi có bằng chứng rằng thùy não ở vùng thái dương chịu trách nhiệm nhận biết các vật thể tự nhiên trong khi các phần khác lại thích hợp với những vật nhân

tạo. (Một bằng chứng đáng tin cậy về nền tảng thần kinh học xuất phát từ những ghi chép trong bệnh viện cho thấy tồn tại các trường hợp bệnh nhân sau khi bị tổn thương não đã mất khả năng xác định các vật thể sống nhưng vẫn nhận biết các đối tượng không sống. Các phát hiện trong các nghiên cứu của Antonio R. Damasio ở Đại học Iowa, Elizabeth Warrington của Nhóm nghiên cứu chứng tâm thần phân lập tại bệnh viện quốc gia ở London và những người khác đã chứng minh sự tồn tại của hiện tượng này).

Hầu hết các bằng chứng về trí tuệ cá nhân đều xuất phát từ các nghiên cứu trong một thập kỷ trước về năng lực cảm xúc và sự phát triển "lý thuyết tinh thần" ở trẻ em. Lý thuyết này cho rằng con người luôn có chủ định và hành động của con người đều dựa trên những chủ định đó. Khám phá thú vị về "hiệu ứng Mozart" của Frances H. Rauscher và các đồng sự ở Đại học Wisconsin-Oshkosh - cho rằng những kinh nghiệm về âm nhạc ở tuổi thơ có thể làm tăng khả năng về không gian - đã tạo ra một khả năng rằng năng khiếu âm nhạc và không gian có thể xuất phát dựa trên những năng lực chung.

Cũng phải nói rằng xu hướng tiến tới sự đa dạng về trí tuệ hoàn toàn phù hợp với xu hướng trong các ngành khoa học có liên quan khác. Thần kinh học phát hiện ra cấu trúc tự nhiên của não bộ; cuộc cách mạng trên lĩnh vực tâm lý học dựa trên khái niệm các năng lực khác nhau được tiến hoá trong những điều kiện môi trường riêng biệt với những mục đích riêng biệt; và trí thông minh nhân tạo đang chi phối các nhà nghiên cứu nhiều hơn các cơ chế giải quyết vấn

đề chung. Trong khoa học, những người chỉ tin IQ đơn thuần hoặc vào sự tồn tại của một loại trí thông minh chung duy nhất đang dần bị cô lập như Herrnstein và Murray.

Nếu như có một vài nhà khoa học hoài nghi về sự đa dạng của trí thông minh thì những nhà giáo dục lại ngược lại. Lý thuyết về sự đa dạng của trí thông minh không những phù hợp với quan điểm của họ rằng trẻ con đũa nào cũng thông minh theo một kiểu nào đó, mà còn vì nó đem lại hy vọng rằng sẽ có nhiều học sinh được đào tạo hiệu quả hơn nếu như những quan điểm này của họ được xem xét để đưa vào giáo trình giảng dạy, hướng dẫn và bài tập. Rất nhiều trường học theo lý thuyết này cũng như các lớp học, các giáo trình, các giáo án, các hệ thống máy tính và những thứ tương tự như vậy đã được xây dựng. Hầu hết chúng đều nhận được rất nhiều sự quan tâm và một số đã tỏ ra hoạt động có hiệu quả trong việc thúc đẩy học sinh và gắn liền chúng với cuộc sống mang tính trí tuệ.

Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có rất nhiều các quan niệm sai lầm. Ví dụ như mỗi chương trình cần phải được giảng dạy theo bảy hay tám cách khác nhau, hay như mục đích của trường lớp là để phát hiện ra trí thông minh của học sinh bằng một cách nào đó như việc áp dụng khoảng bảy tám loại bài kiểm tra khác nhau. Tôi thấy cần thiết phải bắt đầu lên tiếng chống lại những quan điểm và thực tiễn thiếu tính xây dựng này.

Kết luận lại, lý thuyết về sự đa dạng của trí thông minh cần được coi như một phương pháp hơn là mục đích của giáo dục. Các nhà giáo dục cần tự quyết định cùng với sự phối hợp từ cộng đồng, mục

đích của giáo dục mà họ cần tìm kiếm là gì. Một khi những mục đích này được xác định thì lý thuyết về sự đa dạng trong trí thông minh mới có thể phát huy tốt vai trò hỗ trợ của nó. Tôi cho rằng trường lớp nên phấn đấu phát triển các cá thể theo những nhóm nhất định: tinh thần công dân, nhạy cảm với nghệ thuật, có tính kỷ luật cao. Trường học cũng nên đưa ra các chương trình ở mức độ sâu sắc vừa đủ để cuối cùng các học sinh cũng nhận thức được bản thân mình. Những giáo án và bài tập theo phương hướng lý thuyết này như ở Dự án Spectrum ở Trường Dự bị đại học Eliot Pearson, thuộc Đại học Tufts đã chứng minh được khả năng hỗ trợ các trường đạt được những mục tiêu của mình.

Tương lai của lý thuyết trí thông minh đa dạng

Các nhà nghiên cứu đã tranh cãi về vấn đề trí thông minh trong gần một thế kỷ, bao gồm cả tranh cãi về việc tồn tại duy nhất hay nhiều trí thông minh, nên ta khó có thể dự đoán trước được đến bao giờ thì những cuộc tranh cãi này sẽ kết thúc. Với tư cách là một người có liên quan nhiều nhất đến lý thuyết này, tôi có ba mong muốn về vấn đề này.

Trước tiên, tôi mong muốn có một quan điểm thoáng hơn nhưng không phải là mơ hồ về khái niệm trí thông minh. Đã đến lúc trí thông minh cần phải được hiểu rộng hơn nữa để phù hợp với những khả năng của con người, bao gồm những khả năng liên quan đến âm nhạc, đến những người xung quanh và kỹ năng phân loại thế giới tự nhiên. Nhưng điều quan trọng là trí thông minh không kết hợp với những phẩm chất tốt như khả năng sáng tạo, thông thái hay đạo đức.

Tôi cũng dám chắc rằng khái niệm trí

thông minh không nên được mở rộng ra đến mức vượt qua ngưỡng mô tả để đạt đến mức bắt buộc. Tôi thừa nhận khái niệm trí tuệ cảm xúc khi nó thể hiện khả năng xác định tình cảm của bản thân hay của người khác. Khi những khái niệm này bắt đầu bao hàm những dạng người mà chúng ta hy vọng rằng có thể tạo ra hay phát triển được thì lúc đó chúng ta đã đi vào ranh giới của hệ thống giá trị và đó là phần mà không nên nằm trong khái niệm của chúng ta về trí thông minh. Do vậy, khi nhà tâm lý học đồng thời là phóng viên cho tờ *New York Times*, Daniel Goleman nhấn mạnh tầm quan trọng của sự cảm thông trong trí tuệ cảm xúc trong cuốn sách ăn khách gần đây của ông *Trí tuệ cảm xúc* thì tôi đã ngay lập tức đồng ý với ông. Nhưng ông cũng cho rằng các cá nhân quan tâm đến nhau. Sở hữu khả năng cảm nhận nỗi đau của người khác không có nghĩa là sẽ đi đến quyết định giúp đỡ người khác. Thực chất, những kẻ ác tâm còn có thể lợi dụng khả năng hiểu biết tâm lý người khác này để gây ra nhiều thương tổn hơn.

Mong muốn thứ hai của tôi là xã hội thoát ra khỏi những phương tiện thay thế của những câu hỏi ngắn đã được chuẩn hóa để tiến tới những minh chứng cho cuộc sống thực hoặc những mô phỏng ảo. Trong suốt một khoảng thời gian lịch sử nhất định, các cá nhân được đánh giá dựa trên những tiêu chí quản lý kém thú vị (ví dụ phải nhắc lại những con số lùi) nhưng lại có liên quan đến các kỹ năng hay thói quen quan trọng. Ngày nay, với công nghệ thông tin và công nghệ ảo, ta có thể quan sát trực tiếp các cá thể, tức là ta có thể quan sát người ta lập luận, tranh cãi, xem xét dữ liệu, biểu diễn

nghệ thuật và v.v. Chúng ta nên đào tạo học sinh một cách trực tiếp càng nhiều càng tốt những hoạt động có giá trị như thế, và chúng ta nên đánh giá họ về những gì có giá trị mà họ đạt được như thế nào trong những điều kiện tự nhiên. Những điều kiện thay thế vốn không có liên quan mấy đến đời sống thực cần được loại bỏ.

Mong muốn thứ ba là ý tưởng về trí thông minh đa dạng sẽ được sử dụng hiệu quả trong giáo dục. Tôi không có mấy cảm tình với những nỗ lực trong giáo dục nhằm tìm kiếm cách “đào tạo” trí thông minh hoặc sử dụng chúng theo những cách tầm thường (ví dụ hát bảng cửu chương hay chơi Bach trong khi ai đó đang làm hình học). Đối với tôi, sức mạnh giáo dục của trí thông minh đa dạng được thể hiện khi những khả năng này được sử dụng để giúp học sinh hiểu rõ những biện pháp rèn luyện quan trọng.

Thời điểm thích hợp nhất cho quan điểm về trí thông minh mở rộng kết hợp với một loạt năng lực tính toán của con người

Trong cuốn *Trí óc được rèn luyện tốt* của mình xuất bản mùa xuân năm 1999, tôi trình bày cách tiếp cận tương tự. Đó là ba vấn đề chính: lý thuyết tiến hoá (ví dụ về sự chuẩn xác của khoa học), âm nhạc của Mozart (ví dụ về vẻ đẹp của nghệ thuật) và cuộc tàn sát người Do thái (ví dụ về sự phi đạo đức trong lịch sử). Trong mỗi trường hợp, tôi trình bày cách thức giới thiệu những vấn đề này thông qua các đặc điểm khác nhau của một số loại trí thông minh, cách thức biến đổi tượng của các vấn đề trở nên quen thuộc hơn bằng phép loại suy và phép ẩn dụ và cách thức thể hiện những

vấn đề cốt lõi không chỉ bằng một loại ngôn ngữ hình tượng duy nhất mà là bằng một số ngôn ngữ và cách thể hiện khác nhau.

Để hiểu cách tiếp cận này, ngoài việc hiểu được lý thuyết tiến hoá ta còn cần phải nhìn nhận nó theo những cách khác nhau: theo những khía cạnh về lịch sử, theo phương thức suy luận logic, theo cách kiểm chứng định lượng về kích thước và độ phân tán của dân số ở nhiều vị trí khác nhau, theo biểu đồ phác hoạ các loài, theo cách cảm nhận về cuộc đấu tranh sinh tồn giữa các cá thể, v.v. Nếu như ta chỉ hiểu thuyết tiến hoá theo một cách duy nhất, sử dụng một cách diễn đạt duy nhất thì ta mới chỉ hiểu sơ qua những khái niệm chủ yếu nhất trong lý thuyết này.

Vấn đề ai là người có trí thông minh có lúc đã trở thành một vấn đề quan trọng trong xã hội của chúng ta và nó vẫn tiếp tục trở thành một vấn đề gây nhiều tranh cãi trong tương lai. Xã hội đã giao phó và để mặc vấn đề trí thông minh cho ngành trắc nghiệm tâm lý trong một thời gian quá lâu. Và thường là ngành khoa học này có một quan điểm khá hạn hẹp và quá sách vở về trí thông minh. Người ta dựa trên hàng loạt các phương thức nhằm xác định các năng lực nhất định trong khi đó lại bỏ qua những năng lực không theo những khuôn mẫu đã có sẵn. Và những người có mưu đồ chính trị thường thực hiện mọi thứ theo xu hướng thuyết ưu sinh.

Lý thuyết về sự đa dạng của trí thông minh là một nỗ lực để đưa ra một khái niệm rộng hơn về trí thông minh trên nền tảng khoa học. Khái niệm đó sẽ cung cấp phương tiện cho các nhà giáo dục để cho ngày càng có nhiều cá nhân

có thể làm chủ được kiến thức một cách hiệu quả hơn. Nếu được áp dụng hợp lý, lý thuyết này cũng có thể giúp con người đạt hiệu quả cao hơn trong công việc và giải trí.

Vài lời về tác giả: Cuộc đời Howard Gardner hầu như gắn với Harvard. Ông bắt đầu sự nghiệp của mình từ cuộc đời sinh viên ở trường đại học này năm 1961, và hoàn thành luận án tiến sĩ, rồi nhận học bổng của Chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ (Postdoctoral) tại Harvard Medical School. Hiện nay ông là giáo sư đồng thời kiêm giám đốc Harvard's Project Zero - dự án tổng thể của mấy chục dự án khác nghiên cứu về nhận thức và sáng tạo. Howard Gardner còn là một người chơi piano có hạng, ông luôn quan tâm tới nghệ thuật. Chính mối quan tâm tới tâm lý và nghệ thuật đã đưa ông tới công trình nghiên cứu sau tiến sĩ về khoa học não, tìm hiểu những ảnh hưởng sau đột quy đối với các nhà nghệ thuật và người chơi nhạc. Vợ của Howard Gardner cũng là một thành viên của Project Zero, bà Ellen Winner người nghiên cứu về nhận thức của trẻ em qua phép ẩn dụ. Gardner có 4 người con đều cùng liên quan tới nghệ thuật. Một người chơi piano, một người chơi bass, một người là nhiếp ảnh gia, còn người con đầu là nhà quản lý nghệ thuật.

*Gardner viết một vài cuốn sách về lý thuyết trí thông minh đa dạng như *Frames of mind*, *The Mind's New Sciences* và *The Unschooling Mind*. Và thật khôi hài, chính sự hiểu lầm phổ biến về lý thuyết MI của ông đã dẫn ông tới mối quan tâm nghiên cứu về quan điểm giá trị. "Tôi đã học được một điều là khi anh phát triển một ý tưởng anh cần phải có ý thức trách nhiệm rõ ràng về việc làm cho ý tưởng đó được sử dụng", ông nói.*